

APEC 2026: Những ưu tiên mới và tác động đối với kinh tế Việt Nam**KS. Nguyễn Đức Bảo; ThS. Nguyễn Văn Hiến;****KS. Trần Ngọc Luân; ThS. Bùi Thị Phương Lý***Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương*

Tóm tắt: Bài viết phân tích bối cảnh hợp tác APEC 2026 dưới sự dẫn dắt của nước chủ nhà Trung Quốc với ba trụ cột ưu tiên: Mở cửa - Đổi mới - Hợp tác, nhằm hướng tới xây dựng một cộng đồng Châu Á - Thái Bình Dương thịnh vượng. Trên cơ sở dữ liệu từ StatsAPEC, nghiên cứu đánh giá vị thế thương mại của Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2025. Kết quả cho thấy Việt Nam là nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu cao nhất khối APEC (+38,64%), đưa tổng quy mô thương mại đạt 926,71 tỷ USD vào năm 2025 và vươn lên vị trí thứ 10/21 nền kinh tế thành viên. Bài viết cũng làm rõ những cơ hội và thách thức đối với kinh tế Việt Nam từ đà tăng trưởng này, đồng thời đề xuất 06 định hướng chiến lược trọng tâm - bao gồm đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực doanh nghiệp vừa và nhỏ (MSMEs) và chuẩn bị thể chế - nhằm giúp Việt Nam nâng cao vị thế và chủ động định hình chương trình nghị sự khi đảm nhiệm vai trò Chủ nhà APEC 2027.

Từ khóa: APEC 2026; hội nhập kinh tế; thương mại quốc tế; chuỗi cung ứng; chuyển đổi số; chuyển đổi xanh; kinh tế Việt Nam.

1. Bối cảnh và những ưu tiên mới của APEC 2026**1.1. Bối cảnh APEC 2026**

Năm 2026, Trung Quốc đảm nhiệm vai trò Chủ nhà APEC lần thứ ba, sau các năm 2001 và 2014. Với chủ đề “Xây dựng Cộng đồng Châu Á - Thái Bình Dương cùng thịnh vượng” (*Building an Asia-Pacific Community to Prosper Together*), APEC 2026 tập trung thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực, tăng cường liên kết và hợp tác giữa các nền kinh tế thành viên, hướng tới mục tiêu tăng trưởng và thịnh vượng chung. Chủ đề và chương trình nghị sự của APEC 2026 được triển khai trên cơ sở ba ưu tiên của nước chủ nhà là “Mở cửa - Đổi mới - Hợp tác” (*Openness - Innovation - Cooperation*), nhằm thúc đẩy môi trường kinh tế khu vực cởi mở, khai thác động lực tăng trưởng từ đổi mới sáng tạo và tăng cường hợp tác để ứng phó với các thách thức chung. Các ưu tiên này được Trung Quốc công bố tại Hội nghị Quan chức cao cấp không chính thức APEC tổ chức tại Thâm Quyển tháng 12/2025 và tiếp tục được triển khai xuyên suốt chương trình APEC năm 2026.

Bối cảnh quốc tế vẫn chịu áp lực từ chủ nghĩa bảo hộ, phân mảnh chuỗi cung ứng, xung đột địa chính trị và biến động năng lượng - lương thực. Theo Báo cáo Phân tích Xu hướng Khu vực APEC (APEC Regional Trends Analysis, 2026) của APEC Policy Support Unit (PSU), tăng trưởng GDP khu vực APEC dự báo khoảng 3,1% năm 2026, duy trì mức ổn định so với 2025 trước khi chậm lại 3,0% vào 2027. Rủi ro chính đến từ rào cản thương mại gia tăng, chi phí giao dịch phức tạp hơn và bất ổn địa chính trị. Với 21 nền kinh tế thành viên, APEC có quy mô và vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế thế giới. Theo

hệ thống StatsAPEC - nguồn dữ liệu thống kê tổng hợp chính thức của APEC - năm 2025, APEC tạo ra khoảng 61,4 nghìn tỷ USD GDP thực, tương đương 61,6% GDP thực của thế giới. Các nền kinh tế APEC đồng thời chiếm khoảng 50,1% xuất khẩu hàng hóa thế giới, với giá trị khoảng 13,2 nghìn tỷ USD; về thương mại dịch vụ, xuất khẩu dịch vụ thương mại của APEC đạt khoảng 3,1 nghìn tỷ USD năm 2024, tương đương 35,5% tổng xuất khẩu dịch vụ thương mại toàn cầu. Những số liệu này cho thấy APEC tiếp tục giữ vị trí trung tâm trong các dòng thương mại, đầu tư, chuỗi cung ứng và đổi mới công nghệ toàn cầu.

1.2. Ưu tiên mới của APEC 2026

Mở cửa: Tập trung thúc đẩy một khu vực châu Á - Thái Bình Dương mở cửa, kết nối và hội nhập, trong đó tiếp tục thúc đẩy thực hiện Khu vực thương mại tự do châu Á - Thái Bình Dương (FTAAP) và tăng cường kết nối khu vực. Năm 2026 đánh dấu 20 năm kể từ khi sáng kiến FTAAP được đưa vào chương trình nghị sự của APEC, tạo cơ sở để các nền kinh tế tiếp tục trao đổi về các vấn đề liên quan đến hội nhập kinh tế khu vực và định hướng phát triển FTAAP trong giai đoạn mới. APEC đồng thời tiếp tục thúc đẩy hợp tác về kết nối khu vực trên cơ sở các kết quả của APEC Connectivity Blueprint for 2015-2025, trong bối cảnh APEC thực hiện đánh giá cuối kỳ Blueprint vào năm 2026, bao gồm kết nối về cơ sở hạ tầng, thể chế và con người, cùng với thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại, thương mại số và chuyển đổi xanh. Các sáng kiến về thương mại không giấy tờ, số hóa quy trình thương mại, thương mại điện tử xuyên biên giới và tăng cường khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng được kỳ vọng góp phần giảm chi phí giao dịch và nâng cao mức độ liên kết kinh tế trong khu vực. Theo các số liệu thống kê của APEC, mức thuế quan trung bình trong khu vực đã giảm mạnh trong nhiều thập kỷ qua, từ khoảng 17% vào năm 1989 xuống khoảng 5% trong những năm gần đây, phản ánh mức độ tự do hóa thương mại đáng kể của APEC.

Đổi mới: Trọng tâm là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo (AI) và kinh tế số. Tại Hội nghị Bộ trưởng APEC về Số và AI tổ chức tại Thành Đô ngày 23/7/2026, các Bộ trưởng đã thông qua Tuyên bố Bộ trưởng APEC về Công nghệ số và Trí tuệ nhân tạo năm 2026 (Tuyên bố Thành Đô), trong đó nhấn mạnh thúc đẩy ứng dụng có trách nhiệm công nghệ số và AI, mở rộng kết nối số, nâng cao năng lực và kỹ năng số, tăng cường hợp tác tạo thuận lợi cho dòng dữ liệu và củng cố niềm tin trong giao dịch số. Tuyên bố đồng thời khuyến khích các mô hình và dự án mã nguồn mở đáng tin cậy, hỗ trợ chuyển đổi số và AI trong sản xuất, nông nghiệp và dịch vụ, cũng như nâng cao khả năng tiếp cận các giải pháp số và AI của MSMEs.

Hợp tác: Nhấn mạnh tăng cường hợp tác chính sách, xây dựng năng lực và thúc đẩy tăng trưởng bao trùm, hướng tới bảo đảm các thành quả của hội nhập và phát triển kinh tế được chia sẻ rộng rãi, đồng thời nâng cao khả năng chống chịu của các nền kinh tế trước các thách thức chung. Các lĩnh vực hợp tác được quan tâm gồm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, hỗ trợ doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs), y tế, phát triển nguồn nhân lực, trao quyền kinh tế cho phụ nữ và phát triển bền vững. Năm 2026 đánh dấu kỷ rà soát 5 năm đầu tiên đối với các hành động tập thể và hành động cải tiến liên tục trong

Kế hoạch Hành động Aotearoa (Aotearoa Plan of Action - APA), được xây dựng nhằm triển khai Tầm nhìn Putrajaya APEC 2040. Bên cạnh đó, APEC tiếp tục triển khai Lima Roadmap to Promote the Transition to the Formal and Global Economies 2025-2040, nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ khu vực kinh tế phi chính thức sang chính thức, mở rộng khả năng tham gia của người lao động và doanh nghiệp vào thị trường và chuỗi giá trị khu vực, đồng thời thực hiện Strengthened and Enhanced APEC Agenda for Structural Reform (SEAASR) 2026-2030, với trọng tâm thúc đẩy cải cách cơ cấu, đổi mới và số hóa, cải thiện môi trường kinh doanh và trao quyền cho các nhóm trong xã hội tham gia đầy đủ hơn vào các cơ hội kinh tế.

2. Vị thế và mức độ hội nhập của Việt Nam trong APEC

Bên cạnh vai trò ngày càng lớn của APEC trong thương mại toàn cầu, so sánh quy mô xuất nhập khẩu giữa 21 nền kinh tế thành viên cho phép nhận diện rõ hơn vị thế, mức độ hội nhập và vai trò của Việt Nam trong cấu trúc thương mại châu Á – Thái Bình Dương.

Bảng 1. Xuất khẩu, nhập khẩu và tổng kim ngạch hàng hóa của 21 nền kinh tế APEC năm 2025

Đơn vị tính: Tỷ USD

Nền kinh tế	Xuất khẩu (XK)	Nhập khẩu (NK)	Tổng XNK	Xếp hạng XK/NK
China	3.771,84	2.582,90	6.354,74	1/2
United States	2.185,22	3.506,55	5.691,77	2/1
Hong Kong, China	753,58	831,83	1.585,41	3/3
Japan	738,34	755,55	1.493,89	4/4
Korea	709,33	631,90	1.341,23	5/6
Mexico	664,84	683,02	1.347,86	6/5
Chinese Taipei	640,98	494,30	1.135,28	7/9
Singapore	566,87	505,84	1.072,71	8/8
Canada	554,68	577,44	1.132,12	9/7
Viet Nam	472,93	453,78	926,71	10/10
Russia	419,40	302,71	722,11	11/13
Malaysia	376,04	340,44	716,48	12/12
Thailand	339,64	344,94	684,58	13/14
Australia	337,58	310,63	648,21	14/11
Indonesia	282,91	241,86	524,77	15/15
Chile	107,01	92,66	199,67	16/17
The Philippines	83,72	141,20	224,92	17/16
Peru	82,69	60,63	143,32	18/18
New Zealand	46,70	47,55	94,25	19/19
Papua New Guinea	15,54	4,62	20,16	20/21
Brunei Darussalam	10,50	6,04	16,53	21/20

Nguồn: StatsAPEC (<https://www.statistics.apec.org/>)

Theo hệ thống dữ liệu StatsAPEC, năm 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của 21 nền kinh tế APEC đạt khoảng 13,2 nghìn tỷ USD, trong khi nhập khẩu đạt khoảng 12,9 nghìn tỷ USD. Với quy mô này, APEC tiếp tục là một trong những trung tâm thương mại hàng hóa lớn nhất thế giới, chiếm tỷ trọng rất lớn trong thương mại toàn cầu.

Trong nội bộ APEC, thương mại hàng hóa tập trung chủ yếu tại các nền kinh tế có quy mô kinh tế lớn và mức độ hội nhập quốc tế cao như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Singapore, Hồng Kông (Trung Quốc) và Chinese Taipei. Tuy nhiên, bên cạnh các trung tâm thương mại truyền thống, Việt Nam đang nổi lên là một nền kinh tế có quy mô thương mại ngày càng lớn và giữ vai trò ngày càng quan trọng trong mạng lưới sản xuất, cung ứng của khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Năm 2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt khoảng 926,7 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 472,9 tỷ USD và nhập khẩu đạt 453,8 tỷ USD. Với quy mô này, Việt Nam nằm trong nhóm các nền kinh tế có kim ngạch thương mại hàng hóa lớn trong APEC. Quy mô thương mại của Việt Nam hiện đã vượt nhiều nền kinh tế thành viên có quy mô GDP lớn hơn, phản ánh mức độ hội nhập quốc tế sâu rộng cũng như vai trò ngày càng rõ nét của Việt Nam trong các chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất khu vực.

Một chỉ dấu quan trọng về mức độ hội nhập của Việt Nam là độ mở thương mại cao. Năm 2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tương đương khoảng 181% GDP, cho thấy thương mại quốc tế có mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động kinh tế trong nước. Độ mở thương mại ở mức cao tạo điều kiện để Việt Nam khai thác thị trường quốc tế, thu hút đầu tư và tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất xuyên biên giới. Tuy nhiên, mức độ phụ thuộc lớn vào thương mại quốc tế cũng khiến nền kinh tế nhạy cảm hơn trước những biến động của nhu cầu thế giới, chính sách thương mại và sự gián đoạn của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Vị thế thương mại ngày càng cao mang lại cho Việt Nam nhiều lợi thế trong việc tận dụng các sáng kiến của APEC về mở cửa thị trường, thuận lợi hóa thương mại, kết nối chuỗi cung ứng, chuyển đổi số và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Đồng thời, mức độ hội nhập sâu cũng khiến nền kinh tế nhạy cảm hơn trước những biến động của thương mại và kinh tế thế giới. Do đó, thách thức đối với Việt Nam không chỉ là tiếp tục mở rộng quy mô xuất nhập khẩu mà còn phải nâng cao giá trị gia tăng trong nước, tăng khả năng tự chủ về nguồn cung, đa dạng hóa thị trường và đối tác, đồng thời nâng cấp vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Trong bối cảnh Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ nhà APEC 2027, quy mô và vị thế thương mại ngày càng tăng tạo thêm cơ sở để Việt Nam chủ động đóng góp vào chương trình nghị sự của APEC, đồng thời đề xuất các sáng kiến phù hợp với lợi ích của khu vực. Trọng tâm có thể hướng tới thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại, số hóa thủ tục xuất nhập khẩu, tăng cường khả năng chống chịu của chuỗi cung ứng, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận thị trường quốc tế và tham gia sâu hơn vào các mạng lưới sản xuất khu vực.

Từ góc độ dài hạn, việc nâng cao vị thế của Việt Nam trong APEC không nên chỉ được đánh giá qua quy mô kim ngạch xuất nhập khẩu. Quan trọng hơn là khả năng chuyển từ một nền kinh tế có độ mở thương mại cao sang một nền kinh tế có năng lực cạnh tranh,

giá trị gia tăng và khả năng đổi mới sáng tạo cao hơn, qua đó nâng cao chất lượng tăng trưởng và mức độ tham gia của Việt Nam trong cấu trúc kinh tế châu Á – Thái Bình Dương.

Bảng 2. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của 21 nước thành viên APEC giai đoạn 2021 - 2025

Đơn vị tính: Tỷ USD

Nền kinh tế	2021	2022	2023	2024	2025	Tăng trưởng tổng kim ngạch XNK 2021-2025
China	5.995,43	6.250,94	5.935,99	6.159,01	6.354,74	5,99%
United States	4.689,61	5.436,91	5.186,30	5.419,94	5.691,77	21,37%
Hong Kong, China	1.382,26	1.277,48	1.227,57	1.349,68	1.585,41	14,70%
Japan	1.525,01	1.646,77	1.504,46	1.450,51	1.493,89	-2,04%
Korea	1.259,49	1.414,96	1.274,80	1.315,38	1.341,23	6,49%
Mexico	1.017,40	1.205,24	1.221,46	1.272,98	1.347,86	32,48%
Chinese Taipei	829,79	913,61	791,30	875,48	1.135,28	36,81%
Singapore	863,58	991,38	899,70	964,34	1.072,71	24,22%
Canada	1.015,92	1.187,77	1.140,95	1.140,84	1.132,12	11,44%
Viet Nam	668,43	730,44	679,56	785,34	926,71	38,64%
Russia	795,21	868,59	727,84	735,18	722,11	-9,19%
Malaysia	537,67	645,89	578,63	630,98	716,48	33,26%
Thailand	539,35	588,46	573,58	606,26	684,58	26,93%
Australia	606,03	721,87	658,81	637,17	648,21	6,96%
Indonesia	427,70	529,43	480,74	498,37	524,77	22,70%
Chile	186,99	203,17	178,22	183,43	199,67	6,78%
The Philippines	198,99	224,80	207,33	207,87	224,92	13,03%
Peru	110,54	123,89	117,11	129,91	143,32	29,66%
New Zealand	94,63	99,32	91,36	89,15	94,25	-0,40%
Papua New Guinea	15,21	20,49	18,24	18,99	20,16	32,55%
Brunei Darussalam	19,63	23,41	18,73	18,55	16,53	-15,78%

Nguồn: StatsAPEC (<https://www.statistics.apec.org/>)

Giai đoạn 2021-2025 ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ của thương mại Việt Nam trong bức tranh tổng thể của khối APEC. Với tốc độ tăng trưởng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 38,64% (từ 668,43 tỷ USD năm 2021 lên 926,71 tỷ USD năm 2025), Việt Nam có tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cao nhất trong 21 nền kinh tế APEC trong giai đoạn 2021–2025, vượt qua mức tăng trưởng của các trung tâm thương mại lớn như Mỹ (21,37%), Trung Quốc (5,99%) hay Hàn Quốc (6,49%). Động lực chính đến từ đà tăng trưởng xuất khẩu ấn tượng 40,76%, góp phần mở rộng thặng dư thương mại gấp hơn 5 lần,

từ 3,52 tỷ USD lên 19,15 tỷ USD. Kết quả này giúp Việt Nam cải thiện vị thế từ hạng 11 lên hạng 10 toàn APEC về quy mô thương mại, đồng thời củng cố vững chắc vị trí thứ 2 trong nhóm các nước ASEAN thuộc APEC (sau Singapore). Thành tựu trên khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của Việt Nam như một mắt xích sản xuất và xuất khẩu chiến lược trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

3. Cơ hội và thách thức đối với kinh tế Việt Nam

Việt Nam có mức độ mở cửa thương mại rất cao, thể hiện qua quy mô xuất nhập khẩu hàng hóa lớn so với GDP (tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 tương đương khoảng 181% GDP) và mức độ tham gia ngày càng sâu vào các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu. Trong 7 tháng đầu năm 2026, theo số liệu thống kê sơ bộ, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt khoảng 659,6 tỷ USD, trong đó xuất khẩu khoảng 319,5 tỷ USD và nhập khẩu khoảng 340,1 tỷ USD, cho thấy hoạt động thương mại tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Mức độ mở cửa thương mại cao tạo điều kiện để Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư và tham gia ngày càng sâu vào các chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, đồng thời cũng làm gia tăng mức độ nhạy cảm của nền kinh tế trước những biến động bên ngoài.

Bảng 3. Giá trị một số mặt hàng xuất khẩu và nhập khẩu 7 tháng năm 2026.

STT	Mặt hàng	Nhập khẩu		Xuất khẩu	
		Giá trị (triệu USD)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)	Giá trị (triệu USD)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)
1	Điện tử, máy tính và linh kiện	135.802	65,9	85.172	50,1
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	41.069	22,7	40.151	24,6
3	Điện thoại các loại và linh kiện			38.499	18,6
4	Hàng dệt, may			22.863	1,1
5	Giày dép			14.185	0,7
6	Phương tiện vận tải và phụ tùng			11.629	16,3
7	Gỗ và sản phẩm gỗ			10.210	5,6

Nguồn: Cục Thống kê

Triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2026 tiếp tục được đánh giá tích cực, mặc dù chịu tác động từ những bất định của môi trường kinh tế và thương mại quốc tế. Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank), tăng trưởng GDP Việt Nam được dự báo đạt 6,8% năm 2026, sau đó phục hồi lên 7,1% năm 2027. Trong khi đó, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) duy trì dự báo tăng trưởng ở mức 7,2% năm 2026 và 7,0% năm 2027. Như vậy, các dự báo mới nhất của hai định chế tài chính quốc tế lớn cho thấy tăng trưởng GDP

Việt Nam năm 2026 có thể dao động trong khoảng 6,8-7,2%, trước khi duy trì ở mức khoảng 7,0-7,1% năm 2027. Các dự báo này phản ánh khả năng chống chịu tương đối tốt của nền kinh tế, với các động lực chính từ xuất khẩu, sản xuất chế biến, đầu tư và cầu trong nước; đồng thời cho thấy mức độ nhạy cảm đáng kể của Việt Nam trước những biến động về thương mại, chuỗi cung ứng, giá năng lượng và điều kiện kinh tế toàn cầu.

Một số tổ chức nghiên cứu cũng đã điều chỉnh tích cực triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trên cơ sở kết quả kinh tế tốt hơn dự kiến trong nửa đầu năm 2026. Đáng chú ý, Standard Chartered đã nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2026 từ 7,2% lên 9,5%, phản ánh đà tăng trưởng mạnh của sản xuất, dịch vụ, đầu tư và nhu cầu trong nước.

Tuy nhiên, bối cảnh APEC 2026 dưới sự dẫn dắt của 03 trụ cột ưu tiên đặt ra cả cơ hội đan xen lẫn thách thức mang tính chiến lược đối với Việt Nam:

3.1. Trụ cột Mở cửa

- Cơ hội

Mở rộng thị trường và tối ưu hóa chuỗi cung ứng: Việc APEC tiếp tục thúc đẩy lộ trình Khu vực thương mại tự do châu Á - Thái Bình Dương (FTAAP) và hoàn thành đánh giá cuối kỳ Blueprint về Kết nối APEC 2015–2025 tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam cắt giảm chi phí giao dịch, đơn giản hóa thủ tục hải quan và số hóa thương mại không giấy tờ.

Thúc đẩy các ngành xuất khẩu chủ lực: Môi trường thương mại tự do giúp các nhóm hàng mũi nhọn của Việt Nam tăng tốc—tiêu biểu như Điện tử, máy tính và linh kiện (đạt 85,17 tỷ USD xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm 2026, tăng 50,1%) hay Máy móc, thiết bị (đạt 40,15 tỷ USD, tăng 24,6%).

Gia tăng sức hấp dẫn dòng vốn FDI: Sự minh bạch hóa chính sách thương mại và đầu tư khu vực góp phần củng cố niềm tin của các nhà đầu tư quốc tế, giúp Việt Nam tiếp tục là điểm đến chiến lược trong xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Thách thức

Áp lực từ sự gia tăng các rào cản kỹ thuật thế hệ mới: Mặc dù thuế quan trung bình APEC duy trì ở mức thấp (~5%), các rào cản phi thuế quan, cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) và quy định nghiêm ngặt về truy xuất nguồn gốc nguyên liệu ngày càng phức tạp.

Độ nhạy cảm cao trước các cú sốc bên ngoài: Mức độ phụ thuộc lớn vào thương mại quốc tế khiến nền kinh tế Việt Nam dễ bị tổn thương trước nguy cơ phân mảnh thương mại, đứt gãy logistics và bất ổn địa chính trị.

3.2. Trụ cột Đổi mới

- Cơ hội

Bứt phá trong chuyển đổi số và ứng dụng AI: Bám sát Tuyên bố Thành Đô 2026 về Công nghệ số và AI, Việt Nam có cơ sở đẩy nhanh việc hiện đại hóa quy trình sản xuất và phát triển kinh tế số. Lực lượng lao động Việt Nam thể hiện sự nhạy bén vượt trội với 39%

thuộc nhóm "Frontier Professionals" (Nhân sự Tiên phong về AI) theo Microsoft Work Trend Index 2026 - tỷ lệ cao nhất ASEAN.

Thu hút đầu tư vào các ngành công nghệ cao: Ưu tiên đổi mới sáng tạo của APEC mở ra cơ hội để Việt Nam thu hút dòng vốn chất lượng cao vào các lĩnh vực mới nổi như bán dẫn, trung tâm dữ liệu, R&D và sản xuất thông minh.

- Thách thức

Nút thắt cổ chai về hạ tầng và năng lực triển khai thực tế: Mặc dù 55% tổ chức thuộc nhóm sẵn sàng AI từ khá đến cao (Cisco, 2024), đa số doanh nghiệp vẫn gặp hạn chế lớn về hạ tầng dữ liệu, tiêu thụ năng lượng của các trung tâm dữ liệu và khung quản trị AI.

Nguy cơ kẹt ở khâu gia công có giá trị gia tăng thấp: Ngành xuất khẩu công nghệ cao của Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào linh kiện nhập khẩu (nhập khẩu điện tử đạt 135,8 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2026). Nếu không nâng cao năng lực R&D nội địa, Việt Nam đối mặt với rủi ro chỉ dừng lại ở khâu lắp ráp/gia công thuần túy.

3.3. Trụ cột Hợp tác

- Cơ hội:

Tận dụng nguồn lực hỗ trợ chuyển đổi xanh và bao trùm: Thông qua việc triển khai Lima Roadmap (2025–2040) và Chương trình SEAASR (2026–2030), Việt Nam có thể tiếp cận sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính xanh và kinh nghiệm quốc tế để chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn, năng lượng sạch và phát triển bền vững.

Nâng cao năng lực cho khu vực doanh nghiệp MSMEs: Các sáng kiến hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ của APEC giúp khu vực MSMEs tại Việt Nam nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận các nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới và kết nối sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Thách thức:

Gánh nặng chi phí tuân thủ ESG cho doanh nghiệp nhỏ: Các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải thấp, an sinh lao động và phát triển bền vững tạo ra áp lực tài chính và công nghệ lớn đối với các doanh nghiệp MSMEs.

Biến động chi phí đầu vào và an ninh năng lượng/lương thực: Các cú sốc cung ứng toàn cầu có thể làm gia tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nội địa.

3.4. Một số bài học kinh nghiệm từ các nền kinh tế ASEAN trong APEC

Nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh dưới 03 trụ cột trên, Việt Nam có thể tham chiếu bài học thực tiễn từ các quốc gia thành viên APEC trong khu vực:

Malaysia (Mở cửa & Đổi mới): Malaysia là điểm sáng trong việc khai thác các trụ cột Mở cửa và Đổi mới của APEC để hiện đại hóa nền kinh tế. Thông qua Chiến lược Bán dẫn Quốc gia (National Semiconductor Strategy - NSS) kết hợp với Chương trình Phát triển Nhà cung cấp (Vendor Development Program - VDP), Malaysia đã xây dựng được thể chế liên kết chặt chẽ giữa khu vực FDI và doanh nghiệp nội địa (Ministry of Investment,

Trade and Industry Malaysia, 2024). Chính phủ Malaysia không chỉ áp dụng các ưu đãi thuế quan và hạ tầng thuần túy mà còn gắn liền nghĩa vụ của các tập đoàn công nghệ toàn cầu (như Intel, Infineon) với cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và sử dụng nhà cung ứng trong nước (MITI Malaysia, 2024). Nhờ đó, Malaysia đã vươn lên nắm giữ khoảng 13% thị phần đóng gói và kiểm thử bán dẫn toàn cầu, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (MSMEs) tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghệ cao. Đối với Việt Nam, đây là bài học thực tiễn đắt giá trong bối cảnh ngành xuất khẩu điện tử đạt giá trị lớn nhưng vẫn phụ thuộc nặng nề vào nguồn linh kiện nhập khẩu (đạt 135,8 tỷ USD trong 7 tháng đầu năm 2026). Việc thể chế hóa các chính sách khuyến khích doanh nghiệp FDI liên kết và nâng đỡ doanh nghiệp phụ trợ nội địa sẽ là chìa khóa để Việt Nam nâng cao giá trị gia tăng trong nước.

Singapore (Đổi mới & Mở cửa): Nhằm cụ thể hóa các cam kết của APEC về số hóa thủ tục thương mại và tạo thuận lợi cho kinh tế số, Singapore đã chủ động đóng vai trò tiên phong thông qua việc đàm phán và ký kết các Hiệp định Kinh tế Số (Digital Economy Agreements - DEAs) (Infocomm Media Development Authority Singapore, 2025). Quốc gia này đã phát triển nền tảng TradeTrust dựa trên công nghệ Blockchain nhằm chuẩn hóa các chứng từ thương mại không giấy tờ (e-BL, C/O số) trên phạm vi quốc tế, đồng thời thiết lập hành lang pháp lý linh hoạt bảo đảm an toàn cho các dòng dữ liệu xuyên biên giới (IMDA Singapore, 2025). Nhờ hạ tầng thể chế số hiện đại, Singapore duy trì vị thế trung tâm logistics toàn cầu với thời gian thông quan hàng hóa được rút ngắn xuống dưới 24 giờ, giúp tối ưu hóa chi phí giao dịch cho doanh nghiệp (IMDA Singapore, 2025). Bài học rút ra cho Việt Nam là cần nhanh chóng hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử xuyên biên giới, xây dựng cơ chế thử nghiệm (sandbox) cho các mô hình kinh doanh số và thúc đẩy thỏa thuận công nhận lẫn nhau về chữ ký số, chứng từ điện tử với các nền kinh tế thành viên APEC.

Thái Lan (Hợp tác & Đổi mới): Thái Lan đã thể hiện vai trò dẫn dắt trong việc lồng ghép nghị sự phát triển bền vững vào APEC thông qua việc thúc đẩy thông qua Mục tiêu Bangkok về Mô hình Kinh tế Sinh học - Tuần hoàn - Xanh (Bangkok Goals on BCG Economy) tại Kỳ họp APEC 2022 (APEC Secretariat, 2022). Ở cấp độ quốc gia, Chính phủ Thái Lan đã cụ thể hóa mục tiêu này bằng việc hỗ trợ tài chính xanh (Green Bonds), khuyến khích các ngành sản xuất nông nghiệp và công nghiệp ô tô áp dụng tiêu chuẩn sinh thái, cũng như hỗ trợ doanh nghiệp MSMEs đo lường dấu chân carbon (APEC Secretariat, 2022). Bước đi chủ động này giúp các mặt hàng xuất khẩu của Thái Lan sớm thích ứng với các rào cản kỹ thuật khắt khe như Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM). Kinh nghiệm của Thái Lan gợi mở cho Việt Nam hướng đi phù hợp trong việc tận dụng các diễn đàn APEC để thu hút nguồn lực tài chính xanh, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước chuyển đổi năng lượng và xây dựng chuỗi cung ứng phát thải thấp, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và Net Zero.

4. Hàm ý cho Việt Nam

Thứ nhất, chủ động tham gia và đóng góp vào chương trình nghị sự APEC. Chủ động tham gia triển khai, cụ thể hóa các kết quả của APEC 2026, đồng thời đề xuất và thúc

đẩy các sáng kiến phù hợp với lợi ích và năng lực của Việt Nam trong các lĩnh vực AI, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kết nối chuỗi cung ứng và FTAAP, qua đó tạo nền tảng thuận lợi cho việc chủ động định hình chương trình nghị sự trong Năm APEC 2027.

Thứ hai, đẩy mạnh đồng bộ chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, gắn các ưu tiên phát triển trong nước với chương trình nghị sự của APEC. Việt Nam cần thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, AI và dữ liệu trong sản xuất, thương mại và quản trị chuỗi cung ứng, đồng thời tăng cường chuyển đổi xanh trong các ngành có mức phát thải cao và các ngành xuất khẩu chủ lực. Trọng tâm là phát triển nông nghiệp và công nghiệp phát thải thấp, năng lượng sạch và tái tạo, logistics xanh, sản xuất bền vững và chuỗi cung ứng có khả năng truy xuất, qua đó nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chuẩn mới của thị trường quốc tế và tận dụng tốt hơn các cơ hội từ chuyển đổi xanh trong khu vực APEC.

Thứ ba, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (MSMEs) nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị và chuyển đổi số. Việt Nam cần cải thiện khả năng tiếp cận của MSMEs đối với tài chính, công nghệ, dữ liệu, thông tin thị trường và các nền tảng thương mại số, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực quản trị chuỗi cung ứng, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và tham gia thương mại điện tử xuyên biên giới. Việc triển khai các định hướng của Lima Roadmap to Promote the Transition to the Formal and Global Economies 2025–2040 và các sáng kiến của APEC về số hóa MSMEs cần được gắn với các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong nước, nhằm chuyển các cơ chế hợp tác APEC thành lợi ích thực tế đối với khu vực doanh nghiệp.

Thứ tư, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực và năng lực hấp thụ công nghệ, đặc biệt là kỹ năng số, AI và tự động hóa. Việt Nam cần chuyển từ lợi thế về mức độ sẵn sàng ứng dụng AI sang nâng cao khả năng triển khai và khai thác AI để tạo ra năng suất và giá trị gia tăng thực tế. Trọng tâm là đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động, phát triển nhân lực công nghệ cao, tăng cường kỹ năng thích ứng với tự động hóa và AI, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu. Đây là điều kiện quan trọng để Việt Nam tận dụng hiệu quả hơn làn sóng công nghệ mới và hạn chế nguy cơ bị mắc kẹt ở các công đoạn có giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị.

Thứ năm, xây dựng và triển khai các sáng kiến có tính dẫn dắt cho Năm APEC 2027, gắn với tầm nhìn phát triển dài hạn đến năm 2035. Việt Nam cần lựa chọn một số vấn đề có tính khu vực, tính thực tiễn và khả năng tạo đồng thuận cao để đề xuất trong năm chủ nhà, tập trung vào ba định hướng lớn: (i) thúc đẩy thương mại và đầu tư mở, tự do, minh bạch và thuận lợi; (ii) tăng cường khả năng chống chịu kinh tế, đa dạng hóa và bảo đảm an toàn, bền vững của chuỗi cung ứng; và (iii) khai thác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh làm động lực cho tăng trưởng bền vững và bao trùm. Các sáng kiến cần được chuẩn bị sớm, có mục tiêu cụ thể, cơ chế triển khai và khả năng tiếp tục thực hiện sau khi Việt Nam kết thúc vai trò chủ nhà.

Thứ sáu, tiếp tục hoàn thiện thể chế và tăng cường năng lực điều phối thực hiện các cam kết và sáng kiến APEC. Việt Nam cần rà soát, hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến thương mại số, thương mại điện tử xuyên biên giới, dòng dữ liệu xuyên biên giới, bảo vệ dữ liệu, tiêu chuẩn số và sở hữu trí tuệ, phù hợp với xu hướng phát triển của kinh tế số và

các cam kết quốc tế. Đồng thời, cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan nghiên cứu, hiệp hội doanh nghiệp và khu vực tư nhân trong việc xây dựng sáng kiến, tham gia các nhóm công tác APEC và triển khai kết quả sau các hội nghị. Việc chuẩn bị cho APEC 2027 cần được thực hiện theo hướng liên ngành, có trọng tâm và gắn với các ưu tiên phát triển trong nước, qua đó nâng cao hiệu quả tham gia và khả năng chuyển hóa kết quả hợp tác APEC thành chính sách và chương trình hành động cụ thể của Việt Nam.

5. Kết luận

Ba ưu tiên “Mở cửa - Đổi mới - Hợp tác” của APEC 2026 tạo ra những cơ hội quan trọng để Việt Nam mở rộng hội nhập, củng cố vị trí trong các chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng khu vực, đồng thời nâng cao năng lực đổi mới và khả năng chống chịu của nền kinh tế. Tuy nhiên, mức độ mở cửa và hội nhập sâu cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao nội lực, đa dạng hóa thị trường và chuỗi cung ứng, phát triển nguồn nhân lực và năng lực hấp thụ công nghệ nhằm giảm thiểu tác động từ những biến động của môi trường bên ngoài.

Với vai trò chủ nhà APEC 2027, Việt Nam có điều kiện thuận lợi để chủ động đề xuất, định hình và thúc đẩy các nội dung ưu tiên của chương trình nghị sự khu vực, đồng thời tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp và các bên liên quan. Việc gắn các sáng kiến APEC với nhu cầu và lợi ích thực chất của các nền kinh tế, thúc đẩy hợp tác công - tư và tăng cường khả năng triển khai sau Năm APEC 2027 sẽ góp phần củng cố vai trò của APEC là diễn đàn hàng đầu về hợp tác kinh tế khu vực.

Đây là cơ hội quan trọng để Việt Nam nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng tốt hơn các động lực mới từ thương mại, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh, qua đó hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng bền vững, bao trùm và nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Tài liệu tham khảo

1. Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) (2020). *Putrajaya Vision 2040*. Link: https://www.apec.org/meeting-papers/leaders-declarations/2020/2020_aelm/apec-putrajaya-vision-2040
2. Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) (2021). *Aotearoa Plan of Action*. Link: https://www.apec.org/meeting-papers/leaders-declarations/2021/2021_aelm/aotearoa-plan-of-action
3. Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) (2025). *Lima Roadmap to Promote the Transition to the Formal and Global Economies 2025–2040*. Link: https://www.apec.org/meeting-papers/leaders-declarations/2024/2024_aelm/lima-roadmap
4. Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) (2026). *2026 APEC Digital and AI Ministerial Statement (Chengdu Statement)*. Link: <https://www.apec.org/>
5. Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) (2026). *APEC Kicks Off 2026 Meetings to Advance Openness, Innovation and Cooperation*. Link: <https://www.apec.org/press/news-releases/2026/>

6. Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) (2026). *APEC Regional Trends Analysis (February, May & August 2026 editions)*. Link: <https://www.apec.org/publications/2026/02/apec-regional-trends-analysis>
7. Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC) (2026). *Strengthened and Enhanced APEC Agenda for Structural Reform (SEAASR) 2026–2030*. Link: <https://www.apec.org/groups/economic-committee>
8. APEC Policy Support Unit (2026). *StatsAPEC – Key Economic and Trade Statistics*. Link: <https://www.statistics.apec.org/>
9. Asian Development Bank (ADB) (2026). *Asian Development Outlook 2026*. Link: <https://www.adb.org/outlook>
10. Cisco (2024). *Cisco AI Readiness Index 2024*. Link: <https://newsroom.cisco.com/c/r/newsroom/en/us/a/y2024/m11/cisco-ai-readiness-index.html>
11. Microsoft Vietnam (2026). *Work Trend Index 2026*. Link: <https://www.microsoft.com/worklab/work-trend-index/>
12. Standard Chartered (2026). *Global Research Report: Viet Nam Economic Outlook 2026*. Link: <https://www.sc.com/en/trade-beyond-borders/>
13. World Bank (2026). *Viet Nam Economic Update / Global Economic Prospects*. Link: <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview>
14. Bộ Công Thương Việt Nam (2025–2026). *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam*.
15. Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. (2026). *Thông tin về vai trò Chủ nhà APEC 2026 và các ưu tiên của Trung Quốc trong Năm APEC 2026*.
16. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2026). *Thông tin về APEC 2026 và công tác chuẩn bị Việt Nam đăng cai APEC 2027*.
17. Cục Thống kê (2026). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và xuất nhập khẩu hàng hóa 7 tháng năm 2026*.
18. Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC). (2022). *Bangkok Goals on Bio-Circular-Green (BCG) Economy*. Link: https://www.apec.org/meeting-papers/leaders-declarations/2022/2022_aelm/bangkok-goals-on-bio-circular-green-bcg-economy
19. Infocomm Media Development Authority (IMDA), Singapore. (2025). *Singapore Digital Economy Framework & TradeTrust Initiative*. Link: <https://www.imda.gov.sg/>
20. Ministry of Investment, Trade and Industry (MITI), Malaysia. (2024). *New Industrial Master Plan 2030 (NIMP 2030) & National Semiconductor Strategy*. Link: <https://www.miti.gov.my/>

APEC 2026: NEW PRIORITIES AND IMPACTS ON VIETNAM'S ECONOMY

Nguyen Duc Bao; Nguyen Van Hien; Tran Ngoc Luan; Bui Thi Phuong Ly

Vietnam Institute of Strategy and Policy for Industry and Trade

Abstract: *This article analyzes the context of APEC 2026 cooperation under the leadership of the host country China, focusing on three priority pillars: Openness, Innovation, and Cooperation, aiming toward building a prosperous Asia-Pacific community. Based on data from StatsAPEC, the study evaluates Vietnam's trade position during the 2021-2025 period. The results show that Vietnam recorded the highest total import-export turnover growth rate in APEC (+38.64%), bringing its total trade volume to USD 926.71 billion in 2025 and climbing to 10th place among 21 member economies. The article also clarifies the opportunities and challenges for Vietnam's economy stemming from this growth momentum, while proposing 06 key strategic orientations-including accelerating digital transformation, green transition, boosting the capacity of micro, small, and medium enterprises (MSMEs), and institutional preparation-to help Vietnam elevate its position and proactively shape the agenda when serving as the Host of APEC 2027.*

Keywords: *APEC 2026; economic integration; international trade; supply chain; digital transformation; green transition; Vietnam's economy.*